

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2017

Số: 607/QĐ-QLCL

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm
phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

CỤC TRƯỞNG

CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

Căn cứ Quyết định số 1120/QĐ-BNN-TCCB ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng, sản phẩm hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Thông tư số 09/2009/TT-BKHCN ngày 08/4/2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về yêu cầu, trình tự thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế - Bộ Công thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Xét hồ sơ đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định ngày 26/9/2017 của Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản vùng 3; Báo cáo đánh giá cơ sở kiểm nghiệm của Trường đoàn đánh giá ngày 05/10/2017; Báo cáo khắc phục của đơn vị ngày 18/10/2017; Báo cáo thẩm định ngày 07/12/2017 của Phòng Thanh tra, Pháp chế; Báo cáo thẩm định ngày 21/12/2017 của Phòng Thanh tra, Pháp chế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra, Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm của Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản vùng 3 (địa chỉ: 1105 đường Lê Hồng Phong, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa) đối với các chỉ tiêu kỹ thuật có tên trong danh mục kèm theo (xem Phụ lục).

Mã số cơ sở kiểm nghiệm và hiệu lực chỉ định thực hiện theo Quyết định số 156 /QĐ-QLCL ngày 15/4/2016 của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.

Điều 2. Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản vùng 3 có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Cục ATTP - Bộ Y tế (để biết);
- Vụ KHCN - Bộ Công thương (để biết);
- Vụ KHCN&MT - Bộ NN&PTNT (để biết);
- Các đơn vị thuộc Cục QLCL NLTS;
- Lưu VT, TTPC.

**KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Lê Bá Anh

Phụ lục

DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC BỔ SUNG PHẠM VI CHỈ ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 607 /QĐ-QLCL ngày 22/12/2017 của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản)

I. Các chỉ tiêu hóa học

TT	Tên chỉ tiêu được chỉ định	Phạm vi áp dụng	Giới hạn phát hiện (nếu có)/ Phạm vi đo		Đã đăng ký lĩnh vực hoạt động	Đã được công nhận ISO 17025
			Phương pháp	Giới hạn định lượng (LOQ)		
1	Xác định hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật Gốc Lân trong nông sản: Phorate; Methacrifos; Thoprophos; Diazinon; Adusafos; Pirimiphos methyl; Parathion methyl; Parathion; Malathion; Fenthion; Fenitrothion; Fenclorphos; Chlorpyriphos - Methyl; Phenthoate; Methidathion; Mecarbam; Profenofos; Ethion; Edifenphos; Chlorpyriphos.	Nông sản	05.2b-CL3/ST.PP.18 (GC/MS/MS)	5.9 ppb 6.0 ppb 7.2 ppb 8.9 ppb 11 ppb 7.2 ppb 14 ppb 17 ppb 8.6 ppb 9.7 ppb 10 ppb 6.0 ppb 12 ppb 14 ppb 14 ppb 25 ppb 12 ppb 8.1 ppb 8.5 ppb 11 ppb	✓	✓
2	Xác định hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật Gốc Cúc trong nông sản: Fenpropathrin; Bifenthrin; Cyhalothrin (Gamma); Cyhalothrin I (lambda); Permethrin (cis); Permethrin (trans); Etofenprox; Flucythrinate I; Silafloufen; Deltamethrin; Tralomethrin; Cypermethrin; Cyfluthrin.	Nông sản	05.2b-CL3/ST.PP.19 (GC/MS/MS)	10 ppb 7.7 ppb 5.9 ppb 7.9 ppb 9.0 ppb 8.1 ppb 9.9 ppb 13 ppb 7.2 ppb 9.6 ppb 5.1 ppb 6.5 ppb 7.2 ppb	✓	✓

ml

II. Các chỉ tiêu sinh học

TT	Tên chỉ tiêu được chỉ định	Phạm vi áp dụng	Giới hạn phát hiện (nếu có)/ Phạm vi đo		Đã đăng ký lĩnh vực hoạt động	Đã được công nhận ISO 17025
			Phương pháp	Phạm vi đo		
1	Phát hiện <i>Shigella</i>	Thực phẩm (thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	ISO 21567:2004	Phát hiện hoặc không phát hiện/25g(mL)	✓	✓
2	Định lượng <i>Bacillus cereus</i>		ISO 7932: 2004	10 CFU/g 1 CFU/mL	✓	✓
3	Định lượng nấm men và nấm mốc - Sản phẩm có hoạt độ nước > 0.95		ISO 21527-1:2008	10 CFU/g 1 CFU/mL	✓	✓
4	Định lượng nấm men và nấm mốc - Sản phẩm có hoạt độ nước ≤ 0.95		ISO 21527-2:2008	10 CFU/g	✓	✓

bit

